TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115** /2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang.
Bà Đào Thị Tuyết Mai.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐST – DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà N, sinh năm 1964 (Có mặt).
Trú tại: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.
* *Bị đơn:* Bà L, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
Trú tại: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông C, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Trú tại: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/6/2023 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn N trình bày:*

Giữa bà và bà L hai bên có việc chơi hụi với nhau. Hụi do bà L làm chủ, còn ông là hụi viên. Quá trình tham gia chơi hụi thì bà đã đóng hụi cho bà L và bà L còn nợ bà số tiền là 49.600.000 đồng. Sau khi bà L vỡ hụi thì giữa bà và bà

L hai bên có kết nợ lại và bà L có làm giấy tay xác nhận còn nợ tiền hụi bà số tiền là 49.600.000 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng. Nay bà yêu cầu bà L, ông C phải có nghĩa vụ trả cho bà số nợ hụi là 49.600.000 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

** Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023, bị đơn bà L trình bày:*

Bà thừa nhận bà có làm chủ hụi, bà N là hụi viên, bà thừa nhận có nợ tiền hụi bà N tổng số tiền hụi là 49.600.000 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng như bà N khởi kiện. Nay, bà đồng ý trả nợ hụi cho bà N. Đối với ông C là chồng bà, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, bà đã làm chủ hụi hơn 20 năm qua, thu nhập hàng tháng của bà vài chục triệu đồng, bà làm chủ hụi, ông C có đi góp hụi cho bà nhưng bà đã trả tiền công cho ông C. Tuy nhiên, ông C không biết gì về số tiền nợ hụi của bà, bà có giao giấy tờ của Tòa án cho ông C nhưng ông nói không liên quan gì đến số nợ hụi nên không đến Tòa án, cũng không có ý kiến gì hết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C đã được tống đạt các Văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng ông không có ý kiến phản đối hay có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không thu thập được lời khai của ông C.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vuTrong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L và ông C liên đới trả cho bà N số tiền 49.600.000 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C đã được Tòa án triệu tập đến tham dự phiên tòa đúng theo quy định pháp luật pháp luật nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông C.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ hụi còn nợ là 49.600.000 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng và không tính lãi suất, bà L thừa nhận và đồng ý trả cho bà N số tiền này. Xét lời thừa nhận của bà L là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy đinh của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ, HĐXX xét thấy: Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L và ông C thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên bà L và ông C là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà L làm chủ hụi để lo kinh tế gia đình phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà L và ông C phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hụi là 49.600.000 (Bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà L và ông C phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 2.480.000 (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.240.000 (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005029 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng